

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2023/HNGĐ - ST
Ngày 06/9/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ - TỈNH YÊN BÁI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lương Thị Hoàn

Ông Hà Văn Tý

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc - Thư ký TAND thị xã Nghĩa Lộ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 71/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXX - ST ngày 01 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 18/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Khối phố B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1975.

Địa chỉ: phường C, thị xã Ngh, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày **09/5/2023** và bản tự khai anh Bùi T trình bày: anh và chị Nguyễn Thị Đ có đăng ký kết hôn, tổ chức đám cưới dựa trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc vào ngày 20/3/1999 tại UBND phường C, thị xã Ngh. Quá trình chung sống anh chị hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó có phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Mâu thuẫn có được gia đình hai bên khuyên giải, hòa giải nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn phát sinh kéo dài ảnh hưởng đến đời sống và công việc của cả hai. Anh T nhận thấy tình trạng hôn nhân đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Anh và chị Đ có 03 con chung là Bùi Viết Ph, sinh ngày 27/5/2001, Bùi Quang A, sinh ngày 05/5/2008 và Bùi Việt H, sinh ngày 08/12/2009, anh đề nghị được chăm sóc nuôi dưỡng cả ba con chung, không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu của mình anh T đã nộp cho Tòa án chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn giữa anh và chị Đ; Căn cước công dân (T), Chứng minh nhân dân (Đ); Xác nhận thông tin nơi cư trú; Giấy khai sinh của Bùi Viết Ph, Bùi Việt H, Bùi Quang A; Đơn xin xác nhận Bùi T; Đơn trình bày nguyện vọng của Bùi Viết Ph, Bùi Việt H, Bùi Quang A và lời chứng thực của UBND phường Điện Nam Bắc; Sổ hộ khẩu gia đình; 03 bản chụp tin nhắn giữa anh T và chị Đ.

Quá trình tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đã thông báo cho chị Đ biết về yêu cầu khởi kiện của anh T. Tòa án đã tiến hành triệu tập chị Đ đến Tòa án để trình bày ý kiến, quan điểm của mình về vụ án tuy nhiên chị Đ không có mặt mặc dù biết được sự việc.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi anh chị T Đ sinh sống được biết: Quá trình chung sống tại tổ 4, phường C gia đình anh chị có xảy ra mâu thuẫn do chị Đ quan hệ ngoại tình, từ năm 2016 gia đình anh chị chuyển vào tỉnh Quảng Nam sinh sống nhưng một thời gian sau thì chị Đ lại về tổ 4, phường C sống, chị Đ vẫn có hộ khẩu tại phường nhưng thường xuyên đi làm ăn xa nhà.

Tiến hành xác minh với gia đình: bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ chị Đ (ở gần nhà) cho biết: Anh chị T Đ kết hôn và sinh sống với nhau từ năm 1999 đến 2016 ở thị xã Nghĩa Lộ sau đó chuyển vào tỉnh Quảng Nam sinh sống nhưng có mâu thuẫn do anh T đánh đập chị Đ nên chị phải bỏ về Nghĩa Lộ sinh sống. Hiện nay chị Đ đi làm ăn xa thỉnh thoảng có về nhà. Anh chị T Đ có 03 con chung hiện đang ở cùng với anh T.

Ý kiến của các con chung là Bùi Viết Ph, Bùi Việt H, Bùi Quang A đều mong muốn được tiếp tục ở với anh T khi bố mẹ ly hôn.

Tòa án mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Đ không đến tham gia mặc dù có được thông báo họp lệ. Anh T có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung với chị Đ.

Tại phiên tòa mở lần thứ nhất, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt trong các phiên tòa và nộp bổ sung bản khai đề nghị được ly hôn và nuôi 2 con chung là Bùi Quang A và Bùi Việt H. Chị Đ vắng mặt không có lý do nên Tòa án hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa mở lần thứ hai chị Đ vẫn vắng mặt không lý do. HĐXX công bố những lời khai và biên bản xác minh có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, phiên tòa mà không có lý do là chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX xử cho anh Bùi T được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ. Về con chung, xử giao con Bùi Quang A, sinh ngày 05/5/2008

và Bùi Việt H, sinh ngày 08/12/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Bùi T khởi kiện về ly hôn, nuôi con chung với chị Nguyễn Thị Đ có hộ khẩu thường trú tại tổ 4, phường C, thị xã Nghĩa Lộ. Theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, quan hệ pháp luật tranh chấp là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung. Quá trình giải quyết vụ án chị Đ không có mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tòa án căn cứ vào quy định tại Điều 227 và 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn:

Anh Bùi T và chị Nguyễn Thị Đ kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND phường C, thị xã Nghĩa Lộ vào ngày 20/3/1999. Theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình thì quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo anh T cuộc sống chung của anh chị sau khi kết hôn có hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó có phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn có được gia đình hai bên khuyên bảo, hòa giải nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn phát sinh kéo dài ảnh hưởng đến đời sống và công việc của cả hai. Lời khai của anh T phù hợp với sự xác nhận của tổ dân phố nơi anh chị chung sống và của gia đình chị Đ (mẹ đẻ chị Đ sống gần nhà) cho biết anh chị trong đời sống hôn nhân có mâu thuẫn do có quan hệ ngoại tình và ngược đãi lẫn nhau. Anh chị có thời gian chuyển về tỉnh Quảng Nam sinh sống nhưng mâu thuẫn vẫn diễn ra nên chị Đ đã về thị xã Nghĩa Lộ sinh sống còn anh T và các con chung ở lại quê của anh T. Anh chị sống ly thân với nhau nhiều năm nay.

Quá trình giải quyết vụ án chị Đ không đến tòa án để trình bày quan điểm của mình mặc dù biết được việc anh T làm đơn khởi kiện và tòa án triệu tập. Như vậy, chị Đ đã tự mình từ bỏ quyền cũng như nghĩa vụ của mình. Thông qua các tin nhắn giữa chị Đ và anh T (diễn ra sau khi tòa án thụ lý vụ án) thể hiện chị Đ biết việc anh T làm đơn và tòa án triệu tập nhưng do công việc bận nên chị không đến Tòa án được, chị đồng ý để anh T đề nghị giải quyết vụ án và không đòi hỏi gì. Qua đó xác nhận chị Đ cố tình không đến Tòa án mà không có lý do gì chính đáng gửi đến Tòa, chị biết và chấp nhận việc tòa án giải quyết vắng mặt. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Đ vì tình trạng hôn nhân đã rất trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài.

Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị có mâu thuẫn, vợ chồng không cùng nhau tạo dựng cuộc sống chung, tình cảm không còn. Do vậy đời sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được, anh chị đã sống ly thân với nhau trong thời gian dài. Vì vậy nên việc anh T làm đơn xin ly hôn với chị Đ là có cơ sở. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của anh T được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T và chị Đ có ba con chung là Bùi Viết Ph, sinh ngày 27/5/2001 đã thành niên; Bùi Quang A, sinh ngày 05/5/2008 và Bùi Việt H, sinh ngày 08/12/2009. Do cháu Ph đã thành niên nên anh chị không phải trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu A và cháu H đều có nguyện vọng được sống cùng với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Hiện nay anh T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng các con ổn định, đảm bảo sự phát triển lành mạnh của các con. Quá trình giải quyết vụ án chị Đ không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung chưa thành niên khi ly hôn mặc dù biết được ý kiến của anh T là được nuôi dưỡng các con. Với những phân tích trên HĐXX thấy yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của anh T là chính đáng và hợp lý. Vì vậy cần giao hai con chung là Bùi Quang A và Bùi Việt H cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T đảm bảo được việc nuôi dưỡng các con và không yêu cầu chị Đ cấp dưỡng nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản: Anh T không đề nghị tòa án giải quyết, chị Đ không có ý kiến đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Bùi T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Những đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi T. Xử cho anh Bùi T được ly hôn chị Nguyễn Thị Đ.

2. Xử giao các con Bùi Quang A, sinh ngày 05/5/2008 và Bùi Việt H, sinh ngày 08/12/2009 cho anh Bùi T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của chị Đ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Bùi T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng theo

biên lai thu số AA/2022/0000782 ngày 09/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ. Anh T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp, Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND phường C, TXNL;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hồng Hạnh